

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : LUẬT**

**Sinh viên : Tiêu Tiến Đạt**

**HẢI PHÒNG – 2021**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: LUẬT**

**Sinh viên : Tiêu Tiến Đạt**

**Giảng viên hướng dẫn. : Ths. Vũ Thị Thanh Lan**

**HẢI PHÒNG – 2021**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Tiêu Tiến Đạt

Mã SV: 1717905017

Lớp : PLH2010

Ngành : Luật

Tên đề tài: Tổ chức Quản lý Công ty Cổ phần theo Pháp luật Việt Nam

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Luận văn đi vào nghiên cứu những vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật về thành lập, hoạt động của mô hình Công ty cổ phần; thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật này tại Việt Nam. Từ đó đi vào phân tích, đánh giá, tổng hợp nhằm tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả trong thành lập, hoạt động của các Công ty cổ phần tại Việt Nam.

## 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

1. Quốc Hội (2020), Luật Doanh nghiệp 2020
2. Quốc Hội (2014), Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, Hà Nội. s
3. Quốc Hội (2005), *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005*, Hà Nội.
4. Quốc Hội (1999), *Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999*, Hà Nội.

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Bài luận nói chung đến thực trạng các Công Ty cổ phần tại Việt Nam nên sẽ không đi sâu vào một địa điểm.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : *Vũ Thị Lan Anh*

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : *Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: Tổ chức quản lý Công ty cổ phần theo Pháp luật Việt  
Nam

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 12 tháng 04 năm 2021

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 07 năm 2021

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*



*Tiến Tiến DĐ*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*



*lan  
Vũ Thị Thanh Lan*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2021*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: Vũ Thị Thanh Lan

Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh

Họ và tên sinh viên: Tiêu Tiến Đạt Chuyên ngành: Luật

Nội dung hướng dẫn: Tổ chức quản lý công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam.

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- Nghiêm túc, có tinh thần chủ động trong quá trình nghiên cứu thực hiện khóa luận tốt nghiệp.
- Hoàn thành đúng tiến độ.

**2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- Đã trình bày được những vấn đề lý luận cơ bản về công ty cổ phần nói chung và công ty cổ phần theo quy định của pháp luật Việt Nam
- Trình bày được các quy định của pháp luật Việt nam về tổ chức và quản lý đối với công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp 2020. Cơ sở pháp lý chính xác, số liệu có trích dẫn nguồn đáng tin cậy, phù hợp với đề tài.
- Đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần cũng như hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật về công ty cổ phần trên thực tế.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2021*

**Giảng viên hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*lan*

*Lưu Thị Thanh Lan*

# PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Họ và tên sinh viên: Tiền Tiên Đạt Ngày sinh: 28.11.1995

Lớp: PLH2101 Chuyên ngành: Luật Khóa: 1

Thực tập tại: Công ty Luật TNHH MTV Hoa Phượng

Từ ngày: ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

## 1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

Chấp hành đúng nội quy của công ty  
Thực tập đủ thời gian tại văn phòng  
chăm chỉ, nhiệt tình, vui vẻ

## 2. Về kết quả thực tập nghề nghiệp:

Biết lắng nghe ý kiến, cũng học hỏi tương ứng  
về  
Tham gia làm tốt công việc được giao  
Có đóng góp ý kiến tốt với phần công việc  
được giao

## 3. Đánh giá chung:

tốt

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập



GIÁM ĐỐC  
Luật sư. Nguyễn Anh Vũ

....., ngày ..... tháng ..... năm ...

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

Nguyễn Anh Vũ

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	10
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CƠ BẢN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	12
1.1.Lịch sử hình thành và phát triển công ty cổ phần. ....	12
1.2.Khái niệm công ty cổ phần.....	14
1.3. Đặc điểm pháp lý của công ty cổ phần.....	17
1.4. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần.....	19
1.4.1. Một số mô hình quản lý công ty cổ phần trên thế giới.....	19
1.4.2. Mô hình quản lý công ty cổ phần ở Việt Nam .....	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	30
2.1. Đại hội đồng cổ đông .....	32
2.2. Hội đồng quản trị.....	37
2.3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.....	42
2.4. Ban kiểm soát .....	44
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	47
3.1. Những ưu điểm và hạn chế trong quy định của luật Doanh nghiệp 2020 về tổ chức & quản lý công ty cổ phần Việt Nam .....	47
3.1.1. Ưu điểm .....	47
3.1.2. Nhược điểm .....	49
3.2. Một số đề xuất. ....	52
3.2.1. Đối với hoạt động lập pháp.....	52
3.2.1.1. Hoàn thiện chế độ công khai hoá thông tin và mức độ minh bạch trong pháp luật về quản trị Công ty cổ phần .....	54
3.2.1.2. Quy định chặt chẽ hơn về hoạt động thành viên hội đồng quản trị độc lập .....	57
3.2.2.Đối với cơ quan quản lý nhà nước về doanh nghiệp .....	60
3.2.3. Đối với nội bộ doanh nghiệp: .....	62
KẾT LUẬN .....	64
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	66



## LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, xin trân trọng cảm ơn cô giáo đã hướng dẫn tôi là Thạc Sĩ Vũ Thị Thanh Lan, cô đã tận tình hướng dẫn tôi trong quá trình học tập cũng như trong việc hoàn thành luận văn.

Xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô thuộc khoa Luật học trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng đã tận tình giảng dạy cho tôi trong thời gian học tập.

Do giới hạn kiến thức và khả năng lý luận của bản thân còn nhiều thiếu sót và hạn chế, kính mong sự chỉ dẫn và đóng góp của các Thầy, Cô để bài luận văn của tôi được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

## MỞ ĐẦU

Doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng của nền kinh tế, là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm trong nước. Thực hiện đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, được sự đồng tình hưởng ứng tích cực của nhân dân, doanh nghiệp với các loại hình doanh nghiệp khác nhau đã được thành lập, phát triển rộng khắp trong cả nước; đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng ngân sách nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Một môi trường pháp lý cho các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động kinh doanh đảm bảo sự trật tự và ổn định của nền kinh tế thị trường đã được chú trọng xây dựng và hoàn thiện. Việc ban hành Luật Doanh nghiệp 2020 với nhiều điểm tiến bộ đã và đang là đòn bẩy thúc đẩy việc thành lập và triển khai hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính sách cởi mở, pháp luật thông thoáng, thuận lợi tạo điều kiện cho sự bùng nổ về mặt số lượng và chất lượng hoạt động kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp.

Là một trong những loại hình doanh nghiệp có thế mạnh đặc biệt, khả năng tập trung vốn cao, loại hình công ty cổ phần đã có bước phát triển đột biến, góp phần giải phóng và phát triển sức sản xuất, huy động và phát huy nội lực vào phát triển kinh tế xã hội, góp phần quyết định vào phục hồi và tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như: tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo... Vai trò của Công ty cổ phần nói riêng và doanh nghiệp nói chung không chỉ quyết định sự phát triển bền vững về mặt kinh tế mà còn quyết định đến sự ổn định và lành mạnh hoá các vấn đề xã hội.

Công ty cổ phần, với những đặc điểm ưu việt trong tổ chức và hoạt động, vẫn là vấn đề các nhà đầu tư phải quan tâm, là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Tổ chức quản lý doanh nghiệp phải vừa đảm bảo tính pháp lý, vừa phải đảm bảo tính hợp lý, là yêu cầu tất yếu để công ty cổ phần vận hành tốt, cơ

sở để đảm bảo hoạt động quản trị doanh nghiệp được hiệu quả.

Dưới góc độ nghiên cứu, các công trình nghiên cứu về công ty cổ phần đã được tìm hiểu với nhiều mức độ và cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp 2020 được ban hành thay thế Luật Doanh nghiệp 2014 bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021 với những điểm mới quy định về công ty cổ phần tiếp tục là nội dung cần được tìm hiểu và nghiên cứu. Luật Doanh nghiệp 2020 không chỉ là nền tảng pháp lý quan trọng cho tổ chức và quản lý của công ty cổ phần mà còn là cơ sở để loại hình doanh nghiệp này tiệm cận với mô hình tổ chức quản lý của các công ty cổ phần trên thế giới, đáp ứng nhu cầu hội nhập của doanh nghiệp Việt Nam.

Vì vậy, em lựa chọn đề tài ***“Tổ chức và quản lý công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam”*** với mục đích góp phần làm sáng tỏ hơn vấn đề pháp lý của công ty cổ phần ở Việt Nam đặc biệt về tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần để thể hiện tâm huyết và đóng góp của bản thân đối với vấn đề này.

# CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CƠ BẢN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN

## 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty cổ phần.

Công ty cổ phần (CTCP) là một hình thức tổ chức kinh doanh ra đời, tồn tại và phát triển trong những điều kiện kinh tế xã hội nhất định. Sự hình thành và phát triển của công ty cổ phần gắn liền với sự hình thành của thị trường vốn và thị trường tiền tệ. *“Công ty cổ phần là một loại hình kinh doanh phổ biến hiện nay, được xem là phương thức phát triển cao nhất cho đến nay của loài người để huy động vốn cho kinh doanh và qua đó làm cho nền kinh tế của mỗi quốc gia phát triển”*

Ở các nước khác nhau, công ty cổ phần có thể có những tên gọi khác nhau. Ở Pháp là công ty vô danh (anonymous Company), Ở Anh là công ty với trách nhiệm hữu hạn (Company LTD), ở Mỹ nó được gọi là công ty kinh doanh (Commercial Coporation), và ở Nhật Bản gọi là công ty chung cổ phần (Kabushiki Kaisha) ...

Quá trình công nghiệp hoá ở các nước châu Âu và Bắc Mỹ từ thế kỷ 18, 19 cùng với nhu cầu tích tụ vốn để đầu tư của các nhà tư bản đã làm xuất hiện loại hình công ty cổ phần. Sự phát triển mạnh mẽ của Chủ nghĩa Tư bản đòi hỏi sản xuất kinh doanh phải có quy mô ngày càng to lớn, cạnh tranh và độc quyền có mức độ ngày càng gay gắt. Các chủ tư bản đi đến thoả hiệp với nhau nhằm thu được lợi nhuận tối đa và bành trướng hơn nữa thế lực kinh tế của mình. công ty cổ phần là hình thức kinh doanh thoả mãn được những nhu cầu này, nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút và tập trung tư bản, nhu nhận định của Các Mác *“Qua các công ty cổ phần, sự tập trung đã thực hiện được việc đó trong nháy mắt”*

Về mặt lịch sử hình thành, công ty cổ phần ra đời sau các loại công ty đối nhân nhưng là hình thức đầu tiên của loại hình công ty đối vốn. Khác với sự ra đời của hình thức công ty TNHH – là sản phẩm của các nhà lập pháp xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn kinh doanh, công ty cổ phần được hình thành trong hoạt động kinh doanh và do nhu cầu của các nhà kinh doanh rồi sau đó mới được pháp luật thừa nhận và được hoàn thiện thành một chế định pháp lý. Chẳng hạn như ở Anh, Luật công ty

được ban hành lần đầu tiên năm 1844 nhưng trước đó hơn 100 năm đã có sự xuất hiện của các công ty cổ phần. Và đến năm 1856, ở Anh mới có Luật về công ty cổ phần.

Công ty cổ phần xuất hiện đầu tiên trên thế giới là công ty Đông Ấn (East India Company) của Anh (1600-1874). Nó được thành lập ngày 31/10/1600 bởi một nhóm có 218 người, và được cấp phép độc quyền kinh doanh trong vòng 15 năm ở vùng Đông Ấn, các quốc gia và hải cảng ở châu Á, châu Phi và được đi lại từ tất cả các hải cảng của các đảo, thị trấn và địa điểm ở châu Á, châu Phi và Mỹ hay bất kỳ địa điểm nào như thế nằm ngoài Mũi Hảo Vọng (Cape of Good Hope) và Eo biển Magellan. Ngày 01/6/1874, Công ty bị giải thể khi giấy phép lần sau cùng không được gia hạn. Công ty đầu tiên này hoạt động hết sức lòng lèo: *“Người đầu tư góp vốn theo chuyến đi biển và sau mỗi chuyến đi biển nhận lại vốn cổ phần và tiền lãi”*. Đến năm 1602, ở Hà Lan xuất hiện các công ty cổ phần theo hình thức tương tự công ty Đông Ấn của Anh, rồi lần lượt công ty cổ phần xuất hiện ở Thụy Điển, Đan Mạch, Đức...

Ở Mỹ, công ty cổ phần phát triển rất mạnh. Lúc đầu là do yêu cầu phải xây dựng đường xe lửa, sau này là để thiết lập mạng lưới phân phối và bán lẻ trên toàn lãnh thổ rộng lớn của Mỹ. Chính do yêu cầu tài trợ cho các công ty làm đường xe lửa mà thị trường chứng khoán ở NewYork phát triển. Năm 1811, bang NewYork ban bố luật về tính TNHH dành cho các công ty sản xuất. Nhờ có luật này, tiền ùn ùn đổ về NewYork và tính hữu hạn kia trở thành phổ biến vì bang nào không dùng đến nó là không thu hút được vốn.

Từ cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX, công ty cổ phần bắt đầu phát triển ở nhiều lĩnh vực khác nhau như giao thông, vận tải, xây dựng, các ngành chế tạo cơ khí, ngân hàng, bảo hiểm...trong các nước tư bản phát triển và về sau phát triển rộng rãi ở các nơi khác trên thế giới. Đến những năm 20, 30 của thế kỷ XIX, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật, nền kinh tế thế giới có bước phát triển mạnh mẽ, điều đó dẫn đến nhu cầu phải tập trung những nguồn vốn lớn để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội, Công ty cổ phần tiếp tục khẳng định là một trong những công cụ

giúp thực hiện nhanh chóng vấn đề tập trung vốn. Vì vậy, có ý kiến bình luận rằng “*Nếu như cứ phải chờ cho đến khi tích lũy làm cho số tư bản riêng lẻ lớn lên đến mức có thể đảm đương được việc xây dựng đường sắt thì có lẽ đến ngày nay thế giới vẫn chưa có đường sắt*”. Sự ra đời của công ty cổ phần đã giúp cho các nhà doanh nghiệp giải quyết được mâu thuẫn về tiền vốn một cách sáng tạo.

Tóm lại, trải qua quá trình phát triển lâu dài, công ty cổ phần đã từ phạm vi ở một nước, một khu vực nhất định đã phát triển thành những công ty đa quốc gia, hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đúng như nhận định: “*Công ty cổ phần đã phát triển ở hầu hết các nước từ đơn giản đến phức tạp, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, từ một ngành đến đa ngành, từ một quốc gia đến nhiều quốc gia thông qua các công ty siêu quốc gia*”.

## **1.2. Khái niệm công ty cổ phần**

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau khi tìm hiểu về công ty cổ phần. Có thể kể đến một số khái niệm về công ty cổ phần như sau:

Từ điển trực tuyến Wikipedia ghi nhận khái niệm: “*Công ty cổ phần là một dạng pháp nhân có trách nhiệm hữu hạn, được thành lập và tồn tại độc lập đối với những chủ thể sở hữu nó. Vốn của công ty được chia nhỏ thành những phần bằng nhau gọi là cổ phần và được phát hành huy động vốn tham gia của các nhà đầu tư*”.

Cũng có khái niệm cho rằng: “*Công ty cổ phần là hình thức phát triển của sở hữu hỗn hợp, từ hình thức vốn của một chủ sang hình thức vốn của nhiều chủ diễn ra trên phạm vi công ty. Nó là sản phẩm tất yếu của quá trình xã hội hoá về mặt kinh tế xã hội (mặt sở hữu) và cũng là sản phẩm tất yếu của quá trình tích tụ và tập trung hoá sản xuất của nền sản xuất lớn hiện đại*”

Ở Việt Nam, trước năm 1986, do thực hiện cơ chế quản lý quan liêu bao cấp nên hình thức công ty cổ phần cũng như các loại hình công ty thương mại khác không tồn tại. Chỉ từ khi nghị quyết đại hội Đảng VI được thông qua (1986) trong đó nhấn mạnh đường lối đổi mới nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế thị trường đã thực sự là

chìa khóa mở cửa cho các loại hình doanh nghiệp phát triển. Đối với công ty cổ phần, hiện nay ở Việt Nam đang tồn tại ba loại hình được điều chỉnh bởi Luật Doanh Nghiệp Việt Nam năm 2005, đó là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (bao gồm các công ty cổ phần của nước ngoài vào Việt Nam hoạt động và các công ty của nước ngoài hoạt động ở Việt Nam được chuyển đổi thành công ty cổ phần), công ty cổ phần mới thành lập (gồm cả công ty của Nhà nước và các công ty của tổ chức, cá nhân ngoài Nhà nước) và công ty cổ phần do cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Tất cả các loại hình công ty cổ phần trên mới chỉ thực sự bắt đầu ở Việt Nam từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ trước hoặc mới có gần đây xong đã có những đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam. Thực tế, Luật Doanh nghiệp 2005 đã có sự tiến bộ đặc biệt khi đưa ra định nghĩa cụ thể về công ty cổ phần trong LDN năm 1999 (Điều 51) và được nhắc lại trong LDN năm 2005 (Điều 77) như sau:

“ 1. Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:

- a) Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;
  - b) Có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa;
  - c) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;
  - d) Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết thì không được chuyển nhượng và cổ phần của cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng hạn chế (theo khoản 3 điều 81 và khoản 5 điều 84);
2. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của công ty cổ phần;
3. Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại ra công chúng để huy động vốn.”.

Đến luật doanh nghiệp 2014 quy định về công ty cổ phần tại Điều 110 Luật, theo đó, Công ty cổ phần (CTCP) là doanh nghiệp: Vốn điều lệ được chia thành nhiều

phần bằng nhau gọi là cổ phần; Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa; Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp. công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn”.

Trong xu thế phát triển, với việc ban hành Luật Doanh nghiệp 2020, quy định về công ty cổ phần tại điều 111:

1. Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:

a) Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;

b) Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa;

c) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;

d) Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật này.

2. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của công ty.

Trên cơ sở đó có thể rút ra kết luận: *Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp mà vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau là cổ phần và được phát hành ra ngoài thị trường nhằm huy động vốn tham gia đầu tư từ mọi thành phần kinh tế. Người sở hữu cổ phần được gọi là các cổ đông.*



Công ty cổ phần là loại hình đặc trưng của công ty đối vốn, nghĩa là khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động các thành viên công ty hoàn toàn không quan tâm đến thân nhân người góp vốn mà chỉ quan tâm đến phần vốn góp của họ bởi vì đối với loại hình công ty này tư cách thành viên công ty và các quyền của cổ đông trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty được quyết định trước hết bởi số lượng các cổ phiếu của công ty mà người đó nắm giữ. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập, mang tính chất tổ chức cao, có cấu trúc vốn phức tạp. Công ty cổ phần được quyền phát hành chứng khoán ra công chúng. Với tính chất này, công ty cổ phần là hình thức tổ chức đặc biệt năng động có thể sử dụng để huy động vốn thông qua các giao dịch trên thị trường chứng khoán.

### **1.3. Đặc điểm pháp lý của công ty cổ phần**

Công ty cổ phần là loại hình đặc trưng của công ty đối vốn, nghĩa là khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động các thành viên công ty hoàn toàn không quan tâm đến thân nhân người góp vốn mà chỉ quan tâm đến phần vốn góp của họ bởi vì đối với loại hình công ty này tư cách thành viên công ty và các quyền của cổ đông trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty được quyết định trước hết bởi số lượng các cổ phiếu của công ty mà người đó nắm giữ. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập, mang tính chất tổ chức cao, có cấu trúc vốn phức tạp. Công ty cổ phần được quyền phát hành chứng khoán ra công chúng. Với tính chất này, công ty cổ phần là hình thức tổ chức đặc biệt năng động có thể sử dụng để huy động vốn thông qua các giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Từ khái niệm pháp lý nêu trên thì công ty cổ phần phải có các đặc điểm sau đây:

*Thứ nhất*, xuất phát từ số lượng thành viên của công ty có thể hiểu rằng công ty cổ phần là loại hình công ty đối vốn nên truyền thống pháp luật quy định số thành viên tối thiểu phải có khi thành lập công ty. Công ty đối vốn là những công ty chỉ quan tâm đến phần vốn góp mà không cần quan tâm đến thân nhân người góp vốn. Do việc thành lập chỉ quan tâm đến vốn góp nên thành viên công ty thường rất đông, những người không hiểu biết về kinh doanh cũng có thể tham gia vào công ty đối

vốn. Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp hiện hành thì số lượng cổ đông trong công ty cổ phần tối thiểu là 3 cổ đông và không giới hạn số lượng tối đa (có thể là cá nhân hoặc tổ chức là cổ đông).

*Thứ hai*, vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần, giá trị cổ phần gọi là mệnh giá cổ phần. Mua cổ phần là hình thức chính để góp vốn vào công ty cổ phần. Cổ phần mang bản chất là quyền tài sản, nó là phần chia nhỏ nhất của vốn điều lệ của công ty. Cổ phần là đơn vị biểu hiện quyền sở hữu tài sản trong công ty, là căn cứ để xác lập tư cách thành viên của công ty. Mệnh giá cổ phần do công ty quyết định và ghi vào cổ phiếu. Theo quy định của Luật Chứng khoán thì mệnh giá cổ phiếu chào bán lần đầu tiên là mười nghìn đồng Việt Nam. Vì vậy trước khi công ty cổ phần chào bán cổ phiếu ra công chúng thì phải quy mệnh giá cổ phần về mười nghìn đồng. Do đó có thể khẳng định việc chia vốn của công ty thành các cổ phần là vấn đề căn bản nhất của hình thức công ty cổ phần.

*Thứ ba*, cổ đông là người nắm giữ cổ phần và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ công ty trong phạm vi số vốn đã góp. Việc góp vốn vào công ty cổ phần có thể được thực hiện bằng cách mua cổ phần, mỗi cổ đông có thể mua nhiều cổ phần. Tuy nhiên pháp luật có thể giới hạn số lượng tối đa cổ phần mà một cổ đông có thể mua nhằm chống lại việc nắm quyền kiểm soát của công ty dựa vào phần vốn góp. Cổ đông có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho cổ đông hoặc các nhân, tổ chức khác một cách tự do.

*Thứ tư*, chuyển nhượng phần vốn góp. Việc tự do chuyển nhượng phần vốn góp là bản chất của công ty đối vốn. Phần vốn góp của cổ đông được thể hiện bằng cổ phiếu. Cổ phiếu là một loại hàng hóa dân sự nên người sở hữu cổ phiếu sẽ được tự do chuyển nhượng theo cách thông thường như mua bán, tặng cho, thừa kế hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán.

*Thứ năm*, trách nhiệm tài sản. công ty cổ phần chịu trách nhiệm bằng chính toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ của công ty. Vì khi thực hiện

việc góp vốn thì các cổ đông tiến hành chuyển nhượng tài sản thuộc sở hữu của mình sang tên công ty. công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

*Thứ sáu*, về tư cách pháp nhân. Vì công ty cổ phần thỏa mãn các dấu hiệu của pháp nhân nên mô hình công ty này có tư cách pháp nhân từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm tài sản hữu hạn về các nghĩa vụ tài sản của

Do đó thì công ty cổ phần cũng có tư cách thương nhân. Với tính chất đại chúng nên việc tách bạch tư cách giữa công ty cổ phần và thành viên công ty là rất quan trọng.

*Thứ bảy*, về vấn đề huy động vốn. Trong quá trình hoạt động thì công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần các loại, phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác để huy động vốn. Việc phát hành được thực hiện theo Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp cổ phần có thể phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật.

#### **1.4. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần**

##### **1.4.1. Một số mô hình quản lý công ty cổ phần trên thế giới**

Trong việc quản lý công ty cổ phần, mỗi quốc gia trên thế giới đều có những quy định và đặc điểm riêng. Tuy nhiên, nếu xem xét và phân loại chúng thành một số mô hình thì có thể thấy trên thế giới hiện nay có nhiều mô hình có liên quan đến hoạt động quản trị công ty cổ phần nói chung thì có nhiều mô hình, trong đó, tập trung vào các mô hình cơ bản là mô hình hội đồng đơn hay còn gọi là mô hình một tầng (unitary board hay one-tier board model) và mô hình hội đồng kép hay còn gọi là mô hình hai tầng (dual board hay two-tier board model) và mô hình pha trộn. Cụ thể như sau:

##### ***\*Cấu trúc hội đồng một tầng***

Cấu trúc quản trị nội bộ theo mô hình hội đồng một tầng (hội đồng đơn) có trong luật công ty của hầu hết các nước thuộc hệ thống thông luật (common law) như Mỹ, Anh, Australia, New Zealand, Canada v.v.; cũng như không ít các nước thuộc dòng

họ luật thành văn (civil law). Cấu trúc hội đồng đơn, về cơ bản, được xây dựng theo mô hình luật công ty theo kiểu Anglo-American, mà luật công ty Hoa Kỳ là điển hình.

Cấu trúc quản trị nội bộ theo mô hình hội đồng một tầng (hội đồng đơn) có trong luật công ty của hầu hết các nước thuộc hệ thống thông luật (common law) như Mỹ, Anh, Australia, New Zealand, Canada v.v.; cũng như không ít các nước thuộc dòng họ luật thành văn (civil law). Cấu trúc hội đồng đơn, về cơ bản, được xây dựng theo mô hình luật công ty theo kiểu Anglo-American, mà luật công ty Hoa Kỳ là điển hình. Nếu như hơn một thế kỷ trước, trong hệ thống thông luật, người Anh thường tự hào rằng chính họ là những người cung cấp chủ yếu các học thuyết và quy tắc pháp lý về công ty kinh doanh; thì nửa thế kỷ trở lại đây, vai trò này đã bị mất vào tay người Mỹ. Là một thành viên của Liên minh châu Âu (European Union – EU), người Anh đã và đang vất vả trong việc cạnh tranh với người Đức trong việc xây dựng mô hình luật công ty của khối liên minh cũng như gây ảnh hưởng đến các nước thành viên EU. Mô hình quản trị công ty Hoa Kỳ đã lặng lẽ xâm lăng các xứ sở của cả dòng họ common law và civil law, ở ngay cả châu Âu lục địa như Tây Ban Nha, Hi Lạp, Bồ Đào Nha, Ý, Aixolen v.v..”

Luật công ty Hoa Kỳ, đặc biệt là luật về công ty của bang Delaware, nơi mà quá nửa trong số 500 công ty lớn nhất nước Mỹ chọn để đăng ký kinh doanh, nổi tiếng về cấu trúc hội đồng đơn và sự thân thiện với, hay nói đúng hơn là tập trung quyền lực cho, người quản lý công ty. Trong khi Hoa Kỳ có luật chứng khoán liên bang, thì hệ thống luật công ty của họ lại là của các tiểu bang. Vì thế, các bang ở Mỹ đều phải tham gia cuộc đua để có một luật công ty hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Trong cuộc đua này, những tiểu bang dẫn đầu phải kể đến là Delaware, New York, và California. Đó cũng là một trong các lý do khiến cho giới luật học Hoa Kỳ và luật công ty Hoa Kỳ phát triển hết sức mạnh mẽ.

Theo luật công ty Anh–Mỹ, cấu trúc quản trị nội bộ của một công ty cổ phần gồm có: đại hội đồng cổ đông (shareholders’ meeting) (ĐHĐCĐ) và hội đồng giám đốc (board of directors) (HĐGD). Bộ phận quản trị – điều hành của công ty cổ phần

chỉ do một cơ quan đảm nhiệm là hội đồng giám đốc – cấu trúc hội đồng đơn (unitary board model). ĐHĐCĐ sẽ bầu chọn các thành viên của hội đồng giám đốc (thường có từ ba đến hai chục thành viên), được gọi là các directors. Mọi quyền lực và các vấn đề của công ty được pháp luật đặt vào tay của hội đồng giám đốc, trừ những vấn đề mà pháp luật hoặc điều lệ công ty qui định phải thuộc về ĐHĐCĐ. Luật công ty của các nước thuộc dòng họ Anglo-American thường có một qui định rất quan trọng rằng: công việc kinh doanh của công ty được quản lý bởi, hay dưới sự chỉ đạo của hội đồng giám đốc (hay các giám đốc). Sự phân chia quyền lực này khác với việc phân chia quyền lực giữa các cơ quan của bộ máy quản trị công ty cổ phần vẫn thường thấy trong luật công ty của các nước châu Âu lục địa, Trung Quốc và Việt Nam. Cũng vì thế, hội đồng giám đốc của các công ty theo mô hình Anh – Mỹ có rất nhiều quyền lực, hơn rất nhiều so với những người đồng nghiệp của họ trong hội đồng quản trị công ty của các nước châu Âu lục địa, Trung Quốc và Việt Nam. Thậm chí, ở một số nước, hội đồng giám đốc có một quyền có lẽ sẽ làm ngạc nhiên các cổ đông Việt Nam và nhiều nước khác, đó là việc hội đồng giám đốc – những người làm thuê – lại quyết định việc chia cổ tức cho các cổ đông – những ông bà chủ.

Hội Đồng Giám Đốc bổ nhiệm các thành viên của mình hoặc người khác đảm nhiệm các công việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Người đứng đầu của bộ phận điều hành là tổng giám đốc (TGD) (chief executive officer (CEO) hay managing director (MD)). Pháp luật công ty của các nước Anh – Mỹ không có qui định về nhiệm vụ, quyền hạn của TGD (statutory power) như trong pháp luật công ty Việt Nam hay Trung Quốc. Quyền lực của TGD sẽ do hội đồng giám đốc quyết định trên cơ sở ủy nhiệm, vì thế, không phải các TGD đều có quyền lực như nhau. Khác với mô hình TGD theo luật Anh – Mỹ, trong mô hình quản trị công ty cổ phần theo luật Việt Nam và Luật Công ty 2005 của Trung Quốc thì Tổng giám đốc công ty cổ phần xuất hiện như một cơ quan trong bộ máy quản trị, với các quyền và nghĩa vụ do luật định mà các cổ đông hay HĐQT chỉ có thể trao thêm chứ không được lấy bớt đi.<sup>6</sup> Tuy nhiên, trên thực tế, TGD trong mô hình quản trị của Hoa Kỳ

được coi là mô hình TGD mạnh, nhất là khi Chủ tịch hội đồng giám đốc kiêm nhiệm luôn chức vụ TGD, hoặc hội đồng giám đốc ủy quyền mạnh cho TGD. Nếu như Chủ tịch hội đồng giám đốc các công ty lớn ở Anh ít kiêm nhiệm chức TGD, thì đồng nghiệp Hoa Kỳ của họ lại hay kiêm nhiệm hai chức danh này. Nhưng sau các vụ phá sản của một vài công ty lớn xảy ra đầu thế kỷ 21 ở Mỹ như Enron, WorldCom, Tyco v.v., việc phân tách hai chức danh này trong các công ty cổ phần lớn ở Mỹ đã là một xu thế rõ rệt.

Mô hình quản trị công ty cổ phần theo cấu trúc hội đồng đơn kiểu Anh-Mỹ không có một cơ quan chuyên trách làm nhiệm vụ giám sát những người quản lý – điều hành công ty như ban kiểm soát (BKS) trong luật công ty Việt Nam và luật công ty Trung Quốc hay như hội đồng giám sát trong mô hình hội đồng hai tầng của Đức. Tuy nhiên, trong các công ty lớn, đặc biệt là các công ty niêm yết, xu hướng đa số thành viên của hội đồng giám đốc là thành viên độc lập không điều hành (independent non-executive directors) đang tăng thế. Xu hướng này cũng được khuyến nghị bởi các tổ chức quốc tế hàng đầu như Ngân hàng thế giới (World Bank) và Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (Organization for Economic Co-operation and Development – OECD), các cơ quan quản lý thị trường chứng khoán như Ủy ban Chứng khoán (Securities and Exchange Commission – SEC) của Hoa Kỳ, ASX (Australian Stock Exchange) của Australia; cũng như các ủy ban độc lập của chính phủ nghiên cứu về quản trị công ty (corporate governance) như các Ủy ban Cadbury và Hampel của Anh, Bosch của Úc v.v.. Các thành viên độc lập không điều hành của hội đồng giám đốc sẽ đảm nhiệm chức năng xem xét, đánh giá một cách độc lập về các quyết sách quản trị của hội đồng giám đốc và giám sát hoạt động của bộ phận điều hành. Tuy nhiên, sự giám sát của một nhóm thành viên trong hội đồng giám đốc đối với các thành viên khác được cho là thiếu tính khách quan và hiệu quả. Bởi vậy, sự giám sát này có thể thiếu tính độc lập và kém tin cậy hơn so với hoạt động của một cơ quan giám sát độc lập trong cơ cấu quản trị của công ty cổ phần trong cấu trúc quản trị hội đồng hai tầng, cũng như trong luật công ty của Việt Nam và Trung Quốc.

### ***\*Cấu trúc hội đồng hai tầng***

Cấu trúc hội đồng kép có nguồn gốc từ nước Đức, xứ sở của dòng họ luật German civil law. Lịch sử luật công ty của nhân loại không thể phủ nhận thực tế rằng người Đức, cùng với người Anh và người Mỹ đã đóng góp rất lớn cho sự hình thành và phát triển của các lý thuyết và nguyên tắc pháp lý của các mô hình công ty hiện đại ngày nay. Cấu trúc hội đồng kép với sự tham gia của người lao động trong các công ty cổ phần (Aktiengesellschaft-AG) đã từng được cho là trái tim của nền dân chủ công nghiệp Đức. Nó cũng phản ánh những ý niệm mang tính lý thuyết khác nhau về công ty giữa người Đức, một trường phái điển hình của dòng họ luật châu Âu lục địa, và Anh – Mỹ của dòng họ luật án lệ.

Trong cấu trúc quản trị công ty cổ phần theo luật Đức thể hiện ý niệm về mô hình quản trị công ty hướng về những người có quyền lợi liên quan (stakeholder-oriented corporate governance), khác với mô hình quản trị kiểu Anh-Mỹ nhằm hướng tới cổ đông (shareholder-oriented corporate governance).<sup>8</sup> Nếu mô hình quản trị công ty Anh-Mỹ tập trung vào bảo vệ nhà đầu tư, chủ yếu là cổ đông; thì cấu trúc quản trị của người Đức và châu Âu, và cả Nhật Bản thường hướng vào việc bảo vệ cả người lao động và chủ nợ. Các nhà làm luật Đức đã khá khôn khéo trong việc sử dụng cơ chế mang tính cấu trúc để dung hòa lợi ích giữa cổ đông và người lao động trong nền dân chủ công nghiệp, đặc biệt là trong các giai đoạn khó khăn xây dựng nước Đức sau chiến tranh. Ở Đức, người lao động có thể được tham gia trực tiếp vào công việc quản trị công ty cổ phần; và người làm thuê ở Nhật cũng luôn được quan tâm trong thực tiễn quản trị với chế độ lao động suốt đời và có nhiều nhà quản trị là những người lao động lâu năm trong công ty.

Theo các nghiên cứu khác “với ở Mỹ, nơi mà các cổ đông định chế (institutional investors) thường kiểm soát các công ty cổ phần thì các ngân hàng ở Nhật, Đức và châu Âu có vai trò rất lớn trong việc quản trị các công ty cổ phần. Sự bảo vệ quá mạnh mẽ người cho vay và người lao động đã làm cho tư bản vốn của những nước này kém năng động hơn so với các nước theo mô hình thị trường tự do kiểu Anh –

Mỹ. Giới luật học thế giới, đặc biệt là ở Anh – Mỹ và Đức, đã tốn nhiều giấy mực để bình luận và đánh giá mô hình hội đồng kép với sự tham gia của người lao động của nước Đức. Cũng rất thú vị là, chẳng những các giáo sư luật Anh – Mỹ không thích cấu trúc quản trị công ty cổ phần vì có phần nặng nề và bảo thủ của người Đức, mà ngay cả nhiều học giả, giáo sư về luật công ty hàng đầu của Đức như Klaus J. Hopt, Horst Siebert, Harald Baum cũng hoài nghi về tính hiệu quả của cấu trúc quản trị này trong môi trường toàn cầu hóa. Nước Đức có thể sẽ giảm mất tính cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư nước ngoài nếu họ cứ cứng nhắc áp đặt cấu trúc quản trị công ty cổ phần của mình cho các nhà đầu tư đến từ các nền văn minh công nghiệp khác. Một thực tế là, mô hình hội đồng kép của người Đức ít được áp dụng trên thế giới; và sự cạnh tranh của luật công ty Anh-Mỹ cũng đã khiến người Đức gặp nhiều khó khăn.<sup>10</sup> Người Đức cũng đã chẳng mấy thành công để thuyết phục các nước EU lảng giềng, nơi mà luật dân sự và thương mại Đức đã ăn sâu cắm rễ, áp dụng cấu trúc quản trị công ty cổ phần với mô hình hội đồng kép và sự tham gia của người lao động. Cho đến hiện nay, chỉ có ba nước châu Âu lựa chọn mô hình của người Đức là Áo, Thụy Sĩ và Hà Lan. Một vài láng giềng của người Đức cũng đã tiếp nhận ở mức độ nhất định về đại diện người lao động tham gia vào cấu trúc quản trị công ty cổ phần như Đan Mạch, Luxembourg và Thụy Điển.

Cấu trúc hội đồng kép theo luật công ty Đức có hai đặc điểm quan trọng nhất: (i) cấu trúc quản trị- điều hành có hai hội đồng theo thứ bậc (two-tier board model), và (ii) có thể có sự tham gia nhất định của đại diện người lao động vào hội đồng phía trên (co-determination). Cấu trúc quản trị nội bộ của công ty cổ phần (AG) theo luật Đức gồm có: đại hội đồng cổ đông, hội đồng giám sát (Aufsichtsrat) (HĐGS), và hội đồng quản trị (Vorstand) (BQT).<sup>13</sup> Theo luật Đức, việc quản lý-điều hành công ty cổ phần được phân chia cho hai cơ quan là: hội đồng giám sát và BQT, như một thiết chế hai tầng, mà ở đó, hội đồng giám sát nằm ở tầng trên. Vì thế, giới luật học trên thế giới gọi đây là cấu trúc hội đồng kép (dual board) hay hội đồng hai tầng (two-tier board)



Về nguyên tắc, ĐHĐCĐ sẽ bầu chọn thành viên của hội đồng giám sát. Song, người lao động cũng có quyền lựa chọn thành viên của hội đồng giám sát theo đạo luật về sự tham gia của người lao động vào quản trị công ty năm 1952 và 1976. Theo đó, tỷ lệ số thành viên của hội đồng giám sát do người lao động bầu chọn và cổ đông bầu chọn sẽ phụ thuộc vào số lao động của công ty. Đại diện do phía người lao động và cổ đông bầu chọn trong hội đồng giám sát đều có quyền và nghĩa vụ như nhau. Đối với các công ty cổ phần sử dụng trên 500 lao động, một phần ba tổng số thành viên của hội đồng giám sát sẽ do phía người lao động bầu chọn. Nếu công ty sử dụng trên 2000 lao động thì một nửa số thành viên của hội đồng giám sát phải là đại diện do người lao động và công đoàn bầu chọn, song, chủ tịch của hội đồng giám sát sẽ phải là người do cổ đông lựa chọn, và người này sẽ có lá phiếu quyết định khi số phiếu thuận và phiếu chống bằng nhau (casting vote). Hội đồng giám sát có thẩm quyền chọn, bổ nhiệm, cách chức các thành viên của BQT (Vorstand). Không những thế, hội đồng giám sát còn tham gia trực tiếp vào việc đưa ra các quyết định quan trọng trong việc quản trị công ty và giám sát các hoạt động của BQT. BQT thực hiện chức năng điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Các thành viên của BQT cùng nhau chịu trách nhiệm về việc điều hành, phát triển chiến lược kinh doanh của công ty trong mối liên hệ thường xuyên và báo cáo thường xuyên với hội đồng giám sát.

Như vậy, hội đồng giám sát trong cấu trúc hội đồng hai tầng, ví dụ theo luật Đức, không giống với BKS hay HĐQT trong các công ty cổ phần ở Việt Nam. Bởi lẽ: (i) BKS trong công ty cổ phần ở Việt Nam do ĐHĐCĐ bầu và chỉ có chức năng cơ bản nhất là giám sát công tác quản lý, điều hành của bộ máy quản trị; (ii) nó không có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các thành viên của bộ máy quản lý, điều hành; (iii) cũng không có chức năng tham gia quyết định các vấn đề quan trọng về quản trị công ty như hội đồng giám sát theo luật Đức. Thứ hai, HĐQT theo luật Việt Nam là cơ quan quản lý công ty do ĐHĐCĐ bầu chọn, và chỉ bao gồm các thành viên do cổ đông bầu chọn mà thôi. Khác với ở Đức, người lao động trong các công ty cổ phần ở Việt Nam không có quyền lựa chọn và cử đại diện của mình tham gia

HDQT cũng như BKS. HDQT trong các công ty cổ phần ở Việt Nam có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD và những chức danh quản lý quan trọng khác trong công ty. Nó cũng giám sát bộ máy điều hành, nhưng nó không có chức năng giám sát rộng như hội đồng giám sát theo luật Đức vì một phần quyền lực này đã thuộc về BKS của công ty theo luật định. Thứ ba, thành viên của hội đồng giám sát theo luật Đức không thể đồng thời có mặt trong BQT, trong khi thành viên của HDQT trong công ty cổ phần của Việt Nam thì có thể nắm giữ các chức vụ điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

### ***\*Mô hình pha trộn***

Mô hình quản trị pha trộn được hình thành ở một số quốc gia, điển hình là Trung Quốc. Đó là sự pha trộn giữa hai mô hình nói trên. Ở đây, cấu trúc quản trị nội bộ của công ty cổ phần theo Luật Việt Nam lại có nhiều nét tương đồng với Luật của Trung Quốc, nơi mà cấu trúc nội bộ của công ty cổ phần cũng bao gồm các cơ quan: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Như đã phân tích ở trên, HDQT của công ty cổ phần trong luật công ty Việt Nam không giống với hội đồng giám đốc trong luật công ty Mỹ, cũng không phải là hội đồng giám sát hay BQT theo mô hình luật công ty của Đức. HDQT trong luật công ty Việt Nam không có quyền hạn rộng lớn như hội đồng giám đốc trong cấu trúc hội đồng đơn ở nhiều nước common law. Song, nó có thẩm quyền rộng hơn so với BQT của cấu trúc hội đồng kép theo luật công ty của một số nước châu Âu. Nếu thành viên BQT theo luật công ty Đức là do hội đồng giám sát bổ nhiệm, miễn nhiệm, thì thành viên HDQT của các công ty cổ phần ở Việt Nam lại do ĐHCĐ trực tiếp lựa chọn.

Xuất phát từ hoạt động quản lý giám sát trong hoạt động của công ty cổ phần trong thực tế. Đặc biệt là trong quá trình xây dựng và phát triển của các công ty niêm yết trong thực tế. Có thể nói rằng, so với mô hình cơ quan giám sát trong cả hai cấu trúc quản trị phổ biến trên thế giới như đã nói ở trên, thì mô hình BKS độc lập từ HDQT và do ĐHCĐ bầu trong các công ty cổ phần ở Việt Nam là cấu trúc khá độc đáo và hiệu quả, nếu BKS làm việc thực sự như được thiết kế trong luật. Sự hoài nghi

về hiệu quả hoạt động của BKS trong các công ty cổ phần Việt Nam không phải là không có cơ sở khi mà: (i) vẫn còn tâm lý xem thường vị trí của nó trong các cổ đông và người quản lý công ty, (ii) phần lớn thành viên BKS là người lao động, dưới quyền quản lý – điều hành của chính những người mà họ có bốn phần giám sát của hoạt động quản trị công ty cổ phần nói chung.

Có thể nói, các quy định về quản trị công ty cổ phần được pháp luật quy định là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc thiết lập hành lang pháp lý trong công tác quản trị công ty cổ phần một cách hợp lý trong xã hội hiện nay. Việc xác định đặc điểm có liên quan đến phát triển doanh nghiệp qua công tác quản trị công ty cổ phần sẽ hỗ trợ một phần lớn trong việc thiết lập các quy phạm pháp luật chặt chẽ nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về phát triển kinh tế tại Việt Nam. Đây là việc làm cần thiết cho nước ta khi các cá nhân, tổ chức trong việc quản trị công ty cổ phần. Đồng thời, khẳng định tính tất yếu khách quan của chiến lược phát triển kinh tế nói chung và quản trị công ty cổ phần nói riêng. Ngoài ra, với những quy định về vấn đề này đã góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể khi tham gia vào quan hệ được pháp luật điều chỉnh. Ngày nay, trong cơ chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, những quy định về quản trị công ty cổ phần đã phần nào phát huy vai trò và có tác động lớn trong việc góp phần cho sự phát triển cho kinh tế - xã hội của nước ta. Trong tương lai, pháp luật về quản trị công ty cổ phần với những quy định rõ ràng hơn sẽ tạo thuận lợi cho các bên, tạo hành lang pháp lý trong việc phát triển doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa ở nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hi vọng, những quy định trong lĩnh vực kinh tế nói chung và quản trị công ty cổ phần nói riêng sẽ được áp dụng một cách tốt hơn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên tham gia, hình thành nên một nền tảng pháp lý trong lĩnh vực về kinh tế nói riêng và pháp luật nói chung, giúp nước ta phát triển, phù hợp với xu thế phát triển trong khu vực và trên thế giới.

#### **1.4.2. Mô hình quản lý công ty cổ phần ở Việt Nam**

So với các loại hình công ty phổ biến hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới, công ty cổ phần (CTCP) luôn có số lượng thành viên rất đông. Có CTCP có tới hàng vạn cổ đông ở hầu khắp các nước trên thế giới, vì vậy có khả năng huy động vốn rộng rãi nhất trong công chúng để đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau. Hơn nữa, CTCP là loại hình công ty có khả năng mở rộng quy mô vốn thông qua thị trường chứng khoán. Chính vì thế, vấn đề tổ chức quản lý công ty này luôn rất phức tạp. Pháp luật ở hầu hết các quốc gia đều quy định cơ cấu tổ chức của CTCP với sự tham gia của khá nhiều cơ quan như: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị (HĐQT) hoặc Hội đồng giám sát; Giám đốc điều hành; Ban kiểm soát đối với công ty có số lượng thành viên trên 11 người. Sự tham gia của các cơ quan này chủ yếu với mục đích quản lý điều hành, duy trì các hoạt động kinh doanh của CTCP và mặt khác, còn để giám sát, kiểm tra lẫn nhau nhằm hạn chế việc lạm dụng quyền lực của từng cơ quan.

Theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

Trường hợp công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật

của công ty. Trường hợp Điều lệ chưa có quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN

Công ty cổ phần với ưu việt lớn trong hoạt động huy động vốn là mô hình được nhiều nhà đầu tư lựa chọn. So với các loại hình công ty phổ biến hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam, công ty cổ phần (CTCP) luôn có số lượng thành viên rất đông. Có CTCP có tới hàng vạn cổ đông ở hầu khắp các nước trên thế giới, vì vậy có khả năng huy động vốn rộng rãi nhất trong công chúng để đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau. Hơn nữa, CTCP là loại hình công ty có khả năng mở rộng quy mô vốn thông qua thị trường chứng khoán. Chính vì thế, vấn đề tổ chức quản lý công ty này luôn rất phức tạp.

Pháp luật ở hầu hết các quốc gia đều quy định cơ cấu tổ chức của CTCP với sự tham gia của khá nhiều cơ quan như: Đại hội đồng cổ đông với sự tham gia của các chủ sở hữu (cổ đông); Hội đồng quản trị (HĐQT) hoặc Hội đồng giám sát; Giám đốc điều hành; Ban kiểm soát. Sự hình thành của các cơ quan trong công ty cổ phần được pháp luật các quốc gia ghi nhận, đảm bảo tính pháp lý của các cơ quan này chủ yếu với mục đích quản lý điều hành, duy trì các hoạt động kinh doanh của CTCP và mặt khác, còn để giám sát, kiểm tra lẫn nhau nhằm hạn chế việc lạm dụng quyền lực của từng cơ quan.

Hiện theo Luật doanh nghiệp 2020 quy định cơ cấu tổ chức được áp dụng theo quy định tại Điều 137. theo hai mô hình tổ chức của công ty cổ phần đó là:

+Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giám đốc/tổng giám đốc.

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, giám đốc/ tổng giám đốc.

### **\*Mô hình 1:**

Theo Điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: "a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở

hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát"; Trong mô hình này, công ty cổ phần không có Ban kiểm soát. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị trong mô hình này ngoài thành viên điều hành còn có thành viên độc lập (ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập) và Ban kiểm toán nội bộ. Các thành viên độc lập sẽ thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty như chức năng của Ban kiểm soát trong mô hình thứ nhất.

### **\*Mô hình 2**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 137 LDN năm 2020 thì mô hình quản trị một tầng gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.

Công ty cổ phần tổ chức theo mô hình này phải có ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập, và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Đây là điểm mới được sửa đổi so với quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014, theo đó thuật ngữ “Ban kiểm toán” đã được sửa đổi thành “Ủy ban kiểm toán”. Sự thay đổi này giúp tránh được sự nhầm lẫn không đáng có giữa bộ phận này với bộ phận kiểm toán độc lập của công ty. Quy định về Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 161 Luật doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

Các công ty cổ phần hoạt động theo pháp luật Việt Nam hiện hành có thể lựa chọn mô hình tổ chức quản lý phù hợp với quy mô kinh doanh, số lượng cổ đông, yêu cầu quản trị của công ty. Tuy nhiên, có thể nói rằng, các công ty cổ phần Việt Nam vẫn phải đảm bảo trong tổ chức quản lý những cơ quan chủ yếu mà pháp luật yêu cầu

nhằm bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và tạo nên tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

## **2.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét, quyết định những vấn đề chủ yếu, quan trọng nhất của công ty cổ phần như: loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, quyết định tổ chức lại, giải thể công ty...

Cụ thể, Theo Khoản 1 Điều 138 Luật doanh nghiệp năm 2020 thì đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần, có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Luật doanh nghiệp năm 2020 bổ sung các Điểm k,l,m Khoản 2 Điều 138 về các quyền của Đại hội đồng cổ đông cụ thể:

+Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

+Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

+Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

Đây là các nội dung quan trọng ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích của chính các cổ đông. Các cổ đông cần bảo vệ quyền lợi của mình tốt nhất thông qua đại hội đồng cổ đông.

ĐHĐCĐ thực hiện chức năng của mình thông qua các cuộc họp. ĐHCĐ có thể họp thường niên hoặc họp bất thường. Luật dành cho công ty quyền tự quyết định về cuộc họp thường niên của ĐHCĐ thông qua điều lệ của công ty. Tuy nhiên tối thiểu ĐHCĐ ít nhất mỗi năm phải họp một lần.

Để cho cuộc họp của ĐHCĐ có hiệu lực thì cuộc họp ĐHCĐ phải thỏa một số điều kiện theo qui định của pháp luật tại Điều 148 Luật DN 2020. Cụ thể:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp..

Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ thuộc về HĐQT. Theo qui định của Luật Doanh nghiệp 2020 và điều lệ công ty, khi xảy ra những trường hợp cần phải họp ĐHĐCĐ bất thường thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Địa điểm tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ phải nằm trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường

họp cuộc họp Đại hội đồng cổ đōng đượ tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đōng đượ xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Qui định này mở rộng quyền tự chủ, giúp các công ty thuận lợi hơn trong việc tiến hành cuộc họp khi số lượng cổ đōng lớn và ở nhiều địa phương khác nhau.

So sánh với luật doanh nghiệp 2014, thì luật doanh nghiệp 2020 có các điểm khác sau:

+Liên quan đến chương trình và nội dung họp đượ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp năm 2020 theo đó đã bổ sung quy định về thời hạn mà người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đōng có quyền từ chối kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đōng hoặc nhóm cổ đōng sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên là: chậm nhất 2 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Trường họp này, người triệu tập họp phải nêu rõ lý do từ chối và lập thành văn bản để trả lời chủ thể đã kiến nghị.

Liên quan đến vấn đề mời họp Đại hội đồng cổ đōng, Luật doanh nghiệp năm 2020 đã sửa đổi Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp năm 2014 thành Khoản 3 Điều 143 như sau: Thông báo mời họp phải đượ gửi kèm theo các tài liệu như các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Liên quan đến điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đōng, Điều 145 Luật doanh nghiệp năm 2020 cuộc họp Đại hội đồng cổ đōng đượ tiến hành khi có số cổ đōng dự họp đại diện trên 50% tổng số biểu quyết. Như vậy đã có sự thay đổi so với quy định từ 51% như quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014

Một vấn đề quan trọng liên quan tới thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đōng, cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần là việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đōng. Nghị quyết họp pháp của ĐHCĐ luôn có giá trị cao nhất và ràng buộc các cơ quan, cá nhân khác trong công ty cổ phần.

Về nguyên tắc quyết định của ĐHCĐ có thể đượ thông qua dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Thông qua nghị quyết trong

dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp thông thường đòi hỏi khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Còn đối với những vấn đề quan trọng ảnh hưởng lớn đến công ty khi ĐHĐCĐ quyết định thông qua thì cần phải đạt một sự đồng thuận cao hơn. Cụ thể, Nghị quyết về nội dung sau đây, nếu điều lệ công ty không qui định khác, thì sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- e) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định

Bên cạnh đó, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp phức tạp có sự phân hóa rất lớn về quyền lợi giữa các nhóm cổ đông. Chính vì vậy, Luật doanh nghiệp năm 2020 cũng đã dự liệu và bổ sung quy định trong trường hợp chủ tọa và thư ký cuộc họp không hợp tác, không ký biên bản làm cho công ty không thể thực hiện các thủ tục hành

chính cần thiết để triển khai các nội dung đã được thông qua, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty cụ thể:

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật (được quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp năm 2020). Biên bản họp ghi rõ việc “chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp này”.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật (quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp năm 2020) thì biên bản này có hiệu lực.

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Luật cho phép áp dụng phương thức bầu dồn phiếu.

Có thể nhận thấy Luật Doanh nghiệp 2020 hạ thấp điều kiện họp họp lệ của cuộc họp ĐHĐCĐ cũng như điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ so với Luật Doanh nghiệp 2014. Ngoài ra, Luật còn tạo sự thuận tiện cho việc họp ĐHĐCĐ thông qua việc cho phép áp dụng công nghệ thông tin dưới hình thức họp trực tuyến, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội, khoa học và công nghệ. Những quy định này chứng minh pháp luật doanh nghiệp Việt Nam về công ty cổ phần ngày càng nâng cao tính bảo vệ đối với các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nhỏ lẻ đồng thời tiến gần đến thông lệ chung của pháp luật các quốc gia trên thế giới.

## **2.2. Hội đồng quản trị**

Theo Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 thì Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị cơ quan quản lý công ty cổ phần có quyền:

Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;

Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này;

Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao,

thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định

thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Tùy vào cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần, Hội đồng quản trị có các thành viên hội đồng quản trị và có thể có thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Để trở thành thành viên Hội đồng quản trị (quản trị viên) trong công ty cổ phần cần đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của luật doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị sẽ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty ...

Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết

Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên do ĐHĐCĐ bầu. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được

bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ công ty quy định.

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;



Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

*Về cơ chế hoạt động của Hội đồng quản trị*, HĐQT làm việc thông qua các cuộc họp. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Chủ tịch là người triệu tập cuộc họp thường kỳ và bất thường của HĐQT. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây: Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập; Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; đồng thời người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số

thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn.

Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Bên cạnh đó, việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan được quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp năm 2020 theo đó, Đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị có quyền chấp thuận đối với những hợp đồng, giao dịch nhất định, phụ thuộc vào nội dung của hợp đồng, giao dịch cũng như chủ thể có liên quan đến hợp đồng, giao dịch. Luật doanh nghiệp năm 2020 đã bổ sung quy định về hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông cụ thể:

“Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan đến cổ phần đó”

Hội đồng quản trị chấp thuận những hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ công ty trừ các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận những giao dịch còn lại. Cụ thể: (1) giao dịch có giá trị từ 35% trở lên giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, (2) giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp nếu chủ thể có liên quan là cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người có liên quan đến cổ phần đó.

Như vậy, trong tổ chức và quản lý công ty cổ phần các công ty có thể quy định cụ thể hơn về quy chế hoạt động của hội đồng quản trị.

### **2.3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật này.

Giám đốc/ Tổng giám đốc có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Tuyển dụng lao động; Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Một số điều kiện và tiêu chuẩn của giám đốc, tổng giám đốc công ty đại chúng, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết bao gồm:

+Không thuộc đối tượng quy định không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp.

+Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

+Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

#### **2.4. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty đồng thời kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.; thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty; xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Bên cạnh đó, Ban kiểm soát có quyền kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội

đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty, có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên bản Kiểm soát - Kiểm soát viên- phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Thành viên Ban Kiểm soát, trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương và quyền lợi khác được hưởng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư

vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp khi không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật này; không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; có đơn từ chức và được chấp thuận; các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp như không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

**Tóm lại:** Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan là cơ sở pháp lý quan trọng nhất cho việc tổ chức và quản lý công ty cổ phần. Luật Doanh nghiệp 2020 không chỉ kế thừa mà còn tiếp tục điều chỉnh theo hướng hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức của loại hình doanh nghiệp này, nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh thuận lợi hơn hoạt động quản trị công ty, thúc đẩy hoạt động kinh doanh hiệu quả. Triển khai thực hiện pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong thực tế. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay thì rất được các cơ quan nhà nước quản lý về kinh doanh quan tâm về mọi mặt. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bộ pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần cũng như các nội dung có liên quan được tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, sâu rộng trong công tác quản lý về doanh nghiệp cổ phần, pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói chung trong thời gian vừa qua. lập và hoạt động công ty cổ phần.

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN**

### **3.1. Những ưu điểm và hạn chế trong quy định của luật Doanh nghiệp 2020 về tổ chức & quản lý công ty cổ phần Việt Nam**

#### **3.1.1. Ưu điểm**

Thông qua các phân tích và đánh giá ta có thể nhận thấy tình hoạt động thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong những năm trở lại đây. Thực tiễn quản lý thành lập và hoạt động công ty cổ phần hoạt động ở trên các địa phương liên tục tăng qua các năm và trở thành yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển của nền kinh tế ở Việt nam trong giai đoạn mới. Do đó, cùng với sự phát triển của cả nước thì đối với hoạt động về số hộ kinh doanh và đăng ký kinh doanh của các đối tượng ở Việt Nam đã đạt được một số kết quả sau:

Hoàn thiện rõ hơn hệ thống pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần cũng như áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn tại pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong những năm vừa qua. Những văn bản điều chỉnh thành lập và hoạt động công ty cổ phần cũng như các văn bản chỉ đạo của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương là cơ sở thúc đẩy cho các hoạt động thành lập và hoạt động công ty cổ phần.

Việc xây dựng hệ thống văn bản pháp luật dựa trên nền tảng là quy định của Hiến pháp là việc làm cần thiết. Đây thực sự là sự cố gắng lớn lao của các cơ quan, đơn vị trong quá trình áp dụng những quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần cũng như các cấp, ban ngành trên địa bàn pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong những năm trở lại đây. Hệ thống pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần của Việt Nam đã tương đối hoàn thiện. Các văn bản pháp luật điều chỉnh thành lập và hoạt động công ty cổ phần là việc làm quan trọng chuẩn bị cho Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế thế giới và tăng cường công tác QLNN về vấn đề này. Vì thế việc xây dựng hệ thống văn bản pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần ở nước ta đã đạt nhiều kết quả đáng khích lệ. Có thể khẳng định bằng việc ban hành

mới Luật doanh nghiệp 2020, Luật đầu tư 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành cùng với Bộ luật dân sự 2015 mang tính nền tảng là cơ sở pháp lý quan trọng nhất đảm bảo cho hoạt động ổn định và phát triển của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Luật Doanh nghiệp 2020 với những điểm mới về tổ chức và công ty cổ phần đã và đang là cơ sở để tạo điều kiện cho công ty cổ phần phát triển.

Bên cạnh đó, cơ quan nhà nước quản lý nhà nước ở địa phương đã hỗ trợ doanh nghiệp về thủ tục thành lập và cơ chế hoạt động công ty cổ phần phù hợp với chủ trương trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương. Cơ quan nhà nước quản lý về thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói chung đã ban hành chủ trương trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Bên cạnh những đặc điểm của các địa phương trên địa bàn pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói chung đã có vai trò quan trọng trong việc áp dụng các quy định về thành lập và hoạt động công ty cổ phần theo quy định của pháp luật nước ta. Thông qua chiến lược phát triển kinh tế - xã hội qua từng giai đoạn đã tạo nền tảng cho quá trình áp dụng pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần nói chung và góp phần quan trọng trong quá trình quản lý nhà nước về vấn đề này trong thực tiễn. Đây chính là nhiệm vụ quan trọng và là thành tựu quan trọng trong quá trình hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong giai đoạn mới. Như vậy, nhìn chung việc ban hành chủ trương, chính sách đối với vấn đề này là vô cùng quan trọng và hiệu quả. Thông qua công tác này tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; tăng cường hoạt động trong thực tiễn thi hành pháp luật doanh nghiệp ở nước ta trong thời kỳ mới – hội nhập và phát triển.

Pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần đã hình thành được hệ thống chuyên trách về Thành lập và hoạt động công ty cổ phần từ cấp tỉnh đến địa phương, có đội ngũ cán bộ được đào tạo cơ bản, có tâm huyết, nhiệt tình. Ngoài ra, thông qua công tác thực hiện thì đã phát hiện những sơ hở thiếu sót trong hệ thống pháp luật, cơ



chế chính sách, quản lý điều hành và tham mưu cho Lãnh đạo các cấp báo cáo Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành từng bước xây dựng và hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách, quản lý điều hành phục vụ ngày càng hiệu quả cho công tác Thành lập và hoạt động công ty cổ phần.

Qua việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, lực lượng QLNN về thành lập và hoạt động công ty cổ phần đã hình thành được mối quan hệ phối hợp với các ban ngành hữu quan. Có cơ chế phối hợp quan trọng nhằm quản lý và thực hiện có hiệu quả tình hình thành lập và hoạt động công ty cổ phần tại Quảng Bình trong thời gian qua. Triển khai nhiều nội dung phối hợp có hiệu quả, nhất là hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần có sự tham gia của cả nhiều lực lượng có liên quan nhằm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần trong thời gian qua.

### **3.1.2. Nhược điểm**

Ở nước ta, hệ thống các quy định về quản trị công ty được đề cập tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, Luật Doanh nghiệp năm 2020 có vai trò trung tâm, chi phối hầu hết vấn đề quản trị công ty cho các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam. Bên cạnh đó, đối với các quy định quản trị công ty đặc thù, hiện nay đang có khá nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về vấn đề quản trị doanh nghiệp cho đối tượng về thành lập và hoạt động công ty cổ phần vẫn còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập cơ bản như sau:

Thứ nhất, quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 mặc dù đã quy định về người đại diện như sau:

“2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổ chức là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;

b) Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền” Như vậy, Luật không quy định rõ chức danh nào trong công ty là người đại diện sẽ dẫn tới sự tùy tiện trong quá trình thực thi.

Thứ hai, quy định về kiểm soát viên quy định khá rõ và đầy đủ tiêu chuẩn của kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng đối với các kiểm soát viên trong các loại hình công ty khác. Có thể thấy, vai trò của kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước là tương đối lớn, nhưng sẽ tạo ra sự phân biệt với các loại hình công ty khác. Theo đó, với những quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp thì công việc của ban kiểm soát trong một doanh nghiệp là rất lớn. Hiện nay, hầu hết các công ty có 03 thành viên trong ban kiểm soát, chỉ có số lượng nhỏ công ty là có đến 05 thành viên. Những thành viên này thường do hội đồng quản trị chỉ định, không độc lập và là cấp dưới, phụ thuộc vào thành viên của hội đồng quản trị và tổng giám đốc. Như vậy, hoạt động của ban kiểm soát sẽ không hiệu quả. Trên thực tế, hầu hết các kiểm soát viên làm việc kiêm nhiệm tại công ty, chỉ có một số lượng nhỏ kiểm soát viên là cổ đông, đại diện của cổ đông, không là người lao động trong công ty, không chuyên trách, không có chuyên môn cao. Do vậy, việc tham gia các doanh nghiệp nhà nước khác là không hợp lý. Thực tế hiện nay ở Việt Nam cũng cho thấy, ban kiểm soát chưa thể hiện đầy đủ vai trò bảo vệ cổ đông và nhà đầu tư. Do đó, rủi ro mà nhà đầu tư và cổ đông phải gánh chịu từ sự “lép vế” của ban kiểm soát là rất lớn.

Thứ ba, quy định về hợp đồng, giao dịch giữa công ty với thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc, kiểm sát viên, cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trở lên... phải được đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần chấp thuận là không hợp lý bởi đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần mà những nội dung phải thảo luận và thông qua rất nhiều. Bên cạnh đó, trong

nền kinh tế thị trường, thời gian là cơ hội nên có hợp đồng phải được đại hội đồng cổ đông chấp thuận sẽ làm giảm tính hiệu quả của quá trình kinh doanh.

Thứ năm, thực tế cho thấy, quyền lợi của cổ đông thiểu số chưa được bảo vệ hiệu quả là do từ nhiều nguyên nhân khác như như việc không nắm rõ các quyền của mình, tâm lý phó thác cho cổ đông lớn và thiếu động lực đấu tranh cho quyền lợi của chính các cổ đông thiểu số. Đồng thời, các cổ đông lớn có khuynh hướng thao túng việc quản trị, điều hành công ty, cũng như lạm dụng quyền cổ đông, thành viên lớn để loại bỏ hoặc ngăn cản thực hiện quyền của cổ đông thiểu số. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật hiện hành chưa tạo những điều kiện thuận lợi nhất để cổ đông thực hiện quyền khởi kiện này của mình, trình tự thủ tục khởi kiện còn nhiều phức tạp, tốn kém rất nhiều về thời gian và tiền bạc của các cổ đông thiểu số khi họ phát hiện những sai sót, gian lận trong quá trình điều hành của các cấp quản lý công ty đều có quyền khởi kiện. Ngoài ra, các quy định pháp luật về quyền của cổ đông trong công ty cổ phần chưa được thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc, chưa có nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 về việc bỏ phiếu từ xa đối với các cổ đông. Do vậy, xảy ra tình trạng nhiều công ty cổ phần tiến hành đại hội đồng cổ đông ở những nơi xa xôi, điều kiện đi lại khó khăn, thủ tục ủy quyền phức tạp nhằm hạn chế sự tham gia của các cổ đông thiểu số.

Thứ sáu, quy định về điều kiện đề nghị quyết được thông qua không còn quy định việc bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, mà có thể chọn phương thức bầu bình thường. Có một số ý kiến không tán thành với việc quy định bắt buộc bầu dồn phiếu, vì có thể dẫn đến tình trạng các cổ đông lớn của công ty lợi dụng để lựa chọn phương án có lợi cho mình thay vì lợi ích chung của công ty. Tuy nhiên, theo tác giả, đây là một nhận định chưa chính xác về bản chất và thực tế vấn đề, tước bỏ một công cụ quan trọng để bảo vệ nhóm cổ đông thiểu số. Bên cạnh đó, việc quy định cho phép hội đồng quản trị có quyền thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của

công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty đã dẫn đến có nhiều trường hợp, hội đồng quản trị, vì sự chủ quan trong nhận định của mình, ra các quyết định đầu tư sai lầm, gây thiệt hại cho các cổ đông thiểu số.

Thứ bảy, hiện nay, yêu cầu về công khai và minh bạch hóa thông tin đối với doanh nghiệp nói chung còn yếu, chưa thật đầy đủ và tương thích với thông lệ quốc tế; chưa có cơ chế kiểm tra và giám sát hiệu quả chất lượng của các thông tin được công bố. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch hóa thông tin trong còn mang tính hình thức, sơ sài. Các quy định của pháp luật cũng cho thấy sự hạn chế rất lớn trong cơ chế kiểm tra và giám sát các thông tin công bố ra ngoài của các công ty cổ phần gây ra rất nhiều thiệt hại cho thị trường, cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư và cho tất cả các bên liên quan.

Thứ tám, khoản 5 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.”. Theo quy định trên thì cổ đông chỉ có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu hợp đồng, giao dịch được thực hiện không đúng với quy định của pháp luật, hay nói cách khác là có yếu tố phạm tội hoặc cố ý gây thiệt hại. Hơn nữa, cổ đông chỉ có thể yêu cầu người quản lý có liên quan phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu có thiệt hại phát sinh, các thành viên khác không phải chịu trách nhiệm liên đới. Điều này cũng chưa phù hợp với nguyên tắc quản trị doanh nghiệp tốt (nguyên tắc là người quản lý doanh nghiệp/doanh nghiệp phải làm việc/hoạt động vì lợi ích cao nhất của cổ đông, quyền lợi của cổ đông cũng cần phải được bảo vệ ở mức cao nhất).

## **3.2. Một số đề xuất.**

### **3.2.1. Đối với hoạt động lập pháp**

Mặc dù vấn đề quản trị công ty cổ phần là một vấn đề mới ở Việt Nam, nhưng do nhận thức được ý nghĩa quan trọng của quản trị công ty nên trong thời gian vừa qua, Việt Nam đã rất nỗ lực để ban hành được một khung pháp lý cơ bản về quản trị công ty trên cơ sở vận dụng những thông lệ quốc tế và đảm bảo phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý về quản trị công ty ở Việt Nam đã được quy định trong LDN, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, khung pháp lý về quản trị công ty cổ phần của Việt Nam còn nhiều hạn chế khiến cho việc thực hiện các quy định về quản trị công ty cổ phần trong thực tiễn nhiều quy định chưa cụ thể, thiếu đồng bộ và mang nặng tính hình thức. Những hạn chế về khung pháp lý này đã và đang gây ra nhiều bất cập cho cả người quản lý, điều hành công ty cũng như các cổ đông và cơ quan quản lý Nhà nước.

Đối với những quy định trong LDN 2020, mặc dù đã có nhiều cải cách hoàn toàn mới so với LDN 2005 tuy nhiên có những cải cách chưa hoàn toàn phù hợp với thực tiễn. Và cũng có những nội dung vẫn kế thừa từ LDN 2014 vốn đã bộc lộ nhiều điểm bất cập, cần phải sửa đổi hoặc bãi bỏ đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển của các DN hiện nay. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện và bổ sung các quy định mới về quản trị công ty cổ phần nhằm tạo thuận lợi hơn cho hoạt động của DN như: cân đối việc giảm tỷ lệ tối thiểu để thông qua những quyết định của ĐHĐCĐ với giảm tỷ lệ tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu; hài hòa lợi ích của cổ đông thiểu số và cổ đông đa số... Với mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường của nước ta, việc áp dụng LDN 2020 trong thời gian tới đang là một cơ hội cho việc sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách và quy định pháp luật chuyên ngành, văn bản hướng dẫn thi hành LDN về quản trị công ty cổ phần; hướng tới áp dụng thông lệ quốc tế về quản trị công ty cổ phần trong điều kiện thực tế ở Việt Nam; cải thiện lòng tin của các nhà đầu tư; tăng cường bảo vệ lợi ích của các chủ sở hữu, nhà đầu tư và bên có liên quan. Ngoài ra hoàn thiện pháp luật quản trị công ty cổ phần theo mô hình có BKS phải xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn, phải nhằm khắc phục những tồn tại, vướng mắc của thực tiễn góp phần nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật.

Trong mô hình quản trị công ty cổ phần có Ban kiểm soát, pháp luật đã giải quyết được yêu cầu thiết kế được một cấu trúc nội bộ đảm bảo sự phân định rõ ràng trách nhiệm giữa người sở hữu, người quản lý và người điều hành công ty, đồng thời đảm bảo được sự chế ước giữa các bộ phận này. Theo đó, đối với những quy định về ĐHCĐ, luật cần quy định những điều kiện cụ thể để đảm bảo sự công bằng hơn giữa các cổ đông, không có sự phân biệt giữa các cổ đông đa số và cổ đông thiểu số. Đồng thời, quy định của luật cần xác định rõ những cơ chế để đảm bảo cổ đông được thực hiện mọi quyền cơ bản của mình trên thực tế, tránh trường hợp luật có quy định nhưng thiếu tính thực tiễn nên không đảm bảo việc thực hiện quyền của cổ đông trên thực tế, hoặc quy định của luật có nhiều kẽ hở, lỏng lẻo dẫn đến tình trạng người quản lý, điều hành công ty “lách luật” để vi phạm quyền lợi của các cổ đông.

Đối với những quy định về BKS, để BKS có thể hoạt động hiệu quả hơn trong thực tế chứ không phải chỉ trên mô hình, luật cần quy định cụ thể và thiết kế cơ chế để đảm bảo BKS có tính độc lập cao hơn nữa, tạo ra một địa vị ngang bằng với HĐQT chứ không phải là một cơ quan đứng dưới, chịu sự quản lý điều hành của HĐQT. Các thành viên BKS phải là thành viên độc lập, thực hiện được vai trò giám sát lập báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty. Bên cạnh đó, luật cũng nên quy định những đòi hỏi cao hơn về các tiêu chuẩn đối với thành viên BKS trong việc nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho các thành viên BKS để họ có thể thực hiện nhiệm vụ của mình một cách chuyên nghiệp và đầy đủ hơn.

Tóm lại, trong bối cảnh thực trạng quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam hiện nay vẫn còn mang nặng tính hình thức, chưa hiệu quả thì yêu cầu xây dựng một cơ chế chặt chẽ hơn trong các quy định của LDN về cấu trúc nội bộ công ty là rất cần thiết để hạn chế sự lũng đoạn cố tình của HĐQT, Ban GD trong công ty cổ phần. Việc xây dựng được một mô hình quản trị công ty hiệu quả sẽ góp phần cải thiện chất lượng và hiệu lực thực tế của tình hình thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty ở nước ta.

### **3.2.1.1. Hoàn thiện chế độ công khai hoá thông tin và mức độ minh bạch trong pháp luật về quản trị Công ty cổ phần**

Công khai hoá thông tin và minh bạch hoá quản trị công ty có ý nghĩa không chỉ đối với phát triển của từng công ty cổ phần, mà cả nền kinh tế. Do đó, việc bổ sung, sửa đổi các quy định pháp luật trực tiếp liên quan đến chế độ công khai hoá thông tin của doanh nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Theo thông lệ quản trị hiện đại, pháp luật cần quy định tất cả các công ty cổ phần nói chung, các công ty niêm yết nói riêng, các công ty cổ phần có ít nhất 50% sở hữu nhà nước phải được kiểm toán; phải công khai báo cáo tài chính đầy đủ trên mạng thông tin của doanh nghiệp và mạng thông tin quốc gia về doanh nghiệp. Ngoài Báo cáo tài chính, các công ty nói trên còn phải công khai hoá báo cáo đánh giá về HĐQT và thành viên của HĐQT, báo cáo của HĐQT dự đoán về xu thế phát triển của công ty trong 3 năm tiếp theo. Các cơ quan thực thi pháp luật về quản trị công ty cổ phần như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh cần phải được tăng cường về năng lực chuyên môn và trang thiết bị, đủ sức thực thi đầy đủ, công bằng các quy định bắt buộc về công khai hoá thông tin và minh bạch hoá quản lý. Việc công khai hoá các giao dịch và lợi ích liên quan mang tính hình thức cho thấy đây đang là một lỗ hổng lớn trong quản trị công ty hiện nay ở nước ta; tạo không ít cơ hội cho những người quản lý lạm dụng quyền và vị thế của họ để chiếm đoạt giá trị và tài sản của công ty một cách hợp pháp. Vì vậy, thu hẹp dần “lỗ hổng” này là việc cần làm ngay đối với từng công ty, nhất là các công ty niêm yết và các công ty có tỷ lệ lớn sở hữu nhà nước.

***\* Đối với vấn đề BKS trong quản trị công ty cổ phần***

Xây dựng chính sách nguồn nhân lực hợp lý, đảm bảo về năng lực và ban hành chuẩn mực đạo đức

Các công ty nên ưu tiên cho việc tập trung đầu tư nguồn nhân lực bởi vì một công ty phát triển bền vững cần phải có đội ngũ nhân viên lành nghề, tâm huyết với công ty. Công ty cần phải có chính sách ban hành bằng văn bản rõ ràng để tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động với công ty như quy định tuyển dụng nhân sự công khai, chính sách đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, chính sách lương thưởng, kỷ

luật công bằng, hợp lý, rõ ràng. Chú trọng mở những khóa huấn luyện để cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng, chuyên môn của đội ngũ nhân viên. Công ty phải xem xét yếu tố con người là hàng đầu, có chính sách đãi ngộ, động viên nhân viên để tạo động lực mạnh mẽ, một sức sống mãnh liệt trong nội bộ công ty. Bên cạnh đó khi tuyển dụng, công ty cần chú ý đến yếu tố đạo đức như tính trung thực, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc có như vậy mới hạn chế được những gian lận có thể xảy ra. Công ty từng bước phải xây dựng môi trường làm việc thích hợp, văn hóa công ty bằng cách ban hành bằng văn bản những quy định về đạo đức. Cách truyền đạt về những hành vi đạo đức hữu hiệu nhất là người lãnh đạo phải làm gương cho nhân viên noi theo. Các công ty cần thiết lập bộ quy tắc ứng xử đưa ra cách ứng xử cho nhiều vấn đề khác nhau như cách xử lý với khách hàng, chủ nợ, mối quan hệ giữa nhân viên, đưa ra biện pháp kỷ luật đối với hành vi vi phạm quy tắc ứng xử. Những quy định này giúp nhân viên ứng xử dễ dàng trong công việc để không làm tổn hại đến tổ chức. Ngoài ra, công ty cần có chính sách tuyên dương, khen thưởng các cá nhân coi trọng các quy định đạo đức của công ty.

Thiết lập cơ cấu tổ chức hợp lý, nhận định trách nhiệm và quyền hạn đến các thành viên trong công ty

Mỗi công ty phải thiết lập một cơ cấu tổ chức hợp lý, khoa học phù hợp với đặc thù của công ty mình thì hệ thống KSNB mới hoạt động thực sự hiệu quả. Cơ cấu tổ chức của công ty phải gọn nhẹ, rõ ràng tránh tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng ban gây tính thiếu trách nhiệm, đùn đẩy, bỏ sót công việc. Vì vậy, các công ty cần xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng phòng ban, xác định cấp bậc báo cáo để thiết lập cơ cấu tổ chức sao cho các phòng ban có thể giám sát và kiểm tra chéo lẫn nhau. Việc phân chia quyền hạn và trách nhiệm phải được xây dựng dựa trên chu trình phát sinh của từng loại nghiệp vụ. Để nhân viên giám sát lẫn nhau thì một nghiệp vụ từ khi phát sinh đến khi hoàn thành không tập trung vào một người hay một bộ phận xử lý. Định kỳ, công ty nên đánh giá lại cơ cấu tổ chức để điều chỉnh kịp thời theo tình hình phát triển của



công ty. Các công ty nên lập bảng mô tả công việc chi tiết cho từng nhân viên trong từng bộ phận và mối quan hệ giữa các phòng ban với nhau. Như vậy, nhân viên có thể hiểu được nhiệm vụ của họ là gì và có ảnh hưởng như thế nào đến mục tiêu chung của công ty. Bảng mô tả công việc cần quy định rõ yêu cầu trình độ, kỹ năng của từng vị trí để sắp xếp nhân viên cho phù hợp.

\* Tăng cường tính độc lập và năng lực cho hội đồng quản trị/ hội đồng thành viên và thành lập ủy ban kiểm toán

Thành viên Hội đồng quản trị phải có người hoàn toàn độc lập với Ban giám đốc. Để hoạt động KSNB hữu hiệu công ty phải thành lập Ủy ban kiểm toán. Ủy ban kiểm toán phải bao gồm những người am hiểu về tài chính như vậy mới kiểm soát và giám sát chặt chẽ Thành viên Ban kiểm soát phải làm việc độc lập với Ban giám đốc và phòng kế toán, phải có phòng làm việc riêng. Đồng thời trưởng hay phó ban kiểm soát phải là người cổ đông trong công ty không phải là nhân viên Công ty. Hoạt động kiểm soát phải thiết lập và thực hiện hoạt động kiểm soát nhằm giúp nhà quản lý kiểm soát tốt các rủi ro và tạo điều kiện cho tổ chức đạt mục tiêu đặt ra. Tuy nhiên qua cuộc khảo sát cho thấy rằng việc chấp hành hoạt động kiểm soát chưa nghiêm ngặt, các quy định có khi chỉ là hình thức mà không thực hiện trong thực tế. Công ty cũng chưa đưa ra biện pháp kỷ luật cụ thể đối với những nhân viên không tuân thủ nghiêm ngặt quy định.

### **3.2.1.2. Quy định chặt chẽ hơn về hoạt động thành viên hội đồng quản trị độc lập**

LDN cần thiết phải quy định rõ hơn về khái niệm “Thành viên HĐQT độc lập”. Bởi trong các công ty cổ phần luôn tồn tại nguy cơ xung đột về lợi ích giữa một bên là cổ đông với tư cách người sở hữu vốn với một bên là những người quản lý điều hành công ty với tư cách người trực tiếp quản lý sử dụng vốn. Những người quản lý có thể không phải là cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể nhưng lại là người điều hành mọi hoạt động của công ty và vì vậy có thể họ sẽ ưu tiên các quyền lợi cá nhân, quyền lợi nhóm hơn là quyền lợi của các cổ đông. Do đó, pháp luật về quản trị công ty cổ

phần của các quốc gia cũng như những quy định của các thị trường niêm yết thường yêu cầu trong cơ cấu HĐQT công ty phải có sự tham gia của các thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên này có vai trò rất quan trọng trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý công ty, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông, nhất là những cổ đông thiểu số. Tuy nhiên, ở LDN 2014 chưa có quy định cụ thể về thành viên HĐQT, mà chỉ mới là quy định ở dạng “điểm danh”, thiếu tính thực tế áp dụng. Vì vậy, LDN cần bổ sung quy định về thành viên độc lập HĐQT, trong đó xác định rõ khái niệm thành viên HĐQT độc lập, trách nhiệm của thành viên HĐQT độc lập trong việc thực hiện hoạt động giám sát đối với HĐQT và các người quản lý cao cấp khác trong công ty cổ phần, số lượng tối thiểu các thành viên HĐQT độc lập của công ty niêm yết và công ty không niêm yết, cũng như làm rõ các tiêu chuẩn của thành viên HĐQT độc lập và thủ tục đề cử thành viên HĐQT độc lập.

Để nâng cao tính độc lập của các thành viên này, trước tiên, mỗi thành viên hội đồng quản trị độc lập cần xác định rõ nhiệm vụ của mình, nâng cao phẩm chất cá nhân, nhận thức rõ rằng lợi ích mà họ có được là do các cổ đông chia sẻ nên họ phải có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của cổ đông. Bên cạnh đó, cần quy định thời hạn cho việc tham gia Hội đồng quản trị với tư cách là thành viên độc lập; thuê tư vấn, kiểm toán hàng năm để đánh giá tính độc lập của các thành viên hội đồng quản trị trên những khía cạnh chủ yếu. Hơn nữa, hiện pháp luật chưa quy định trách nhiệm giám sát việc bổ nhiệm các thành viên độc lập, vì vậy, nên quy định việc công bố thông tin đầy đủ, đồng thời có thể quy định đơn vị kiểm toán (đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm) giám sát các tiêu chí độc lập của các thành viên độc lập trước khi trình đại hội đồng cổ đông phê duyệt và bổ nhiệm, tránh việc bổ nhiệm các thành viên độc lập chỉ là hình thức. Làm được như vậy chúng ta sẽ dần hoàn thiện những quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

\* Kịch bản toàn tổ chức bộ máy và nâng cao trách nhiệm, năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp nói chung

Trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký thành lập công ty cổ phần thì việc kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao trách nhiệm, năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác là điều hoàn toàn cần thiết. Để có thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ thì cần hoàn thiện các vấn đề của công tác cán bộ về các phương diện sau:

Thứ nhất, đối với cán bộ, công chức bên cạnh yêu cầu lựa chọn đúng chuyên ngành, cần xác định chuyên ngành cơ bản và các ngành bổ sung để có tỷ lệ tuyển dụng hợp lý nhằm đa dạng hóa chuyên môn và nguồn tuyển dụng, trong đó ưu tiên cán bộ đào tạo chuyên ngành, có chuyên môn cơ bản nhằm đáp ứng với yêu cầu của công tác quản lý, đảm bảo cho hoạt động đăng ký thành lập công ty cổ phần đạt hiệu quả cao. Tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ nhằm phát triển năng lực cho đội ngũ cán bộ nói trên.

Thứ hai, cần hoàn thiện đồng bộ cơ chế bố trí sử dụng cán bộ, xây dựng cơ chế đặc thù riêng cho cán bộ, công chức trong quá trình sử dụng nói chung nhằm khuyến khích nhân sự chất lượng cao, linh hoạt đáp ứng với yêu cầu của công tác trong lĩnh vực này. Nghiên cứu phương thức tổ chức bộ máy nhân sự tham mưu trên cơ sở tăng thẩm quyền, trách nhiệm trực tiếp và đầy đủ của các Bộ trưởng trong xây dựng đội ngũ tham mưu nhằm đảm bảo tính nhất quán trong định hướng chính trị đối với các chính sách về thẩm quyền của các cơ quan NN trong lĩnh vực đăng ký thành lập công ty cổ phần trong thực tế.

Ba là, xây dựng cơ chế chi trả lương hợp lý, các chế độ ưu tiên làm việc nhằm tạo động lực làm việc, thu hút, sử dụng người có tài, có đức trong công tác quản lý nhà nước thông qua xã hội hóa việc xây dựng chính sách, tổ chức đấu thầu dự án ban hành văn bản pháp luật. Có phương hướng đào tạo cán bộ, công chức có năng lực quản lý nhà nước về đăng ký thành lập công ty cổ phần đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là ở cấp huyện. Qua đó, thực hiện thống nhất quản lý Nhà nước ở cả Trung ương và địa phương trong lĩnh vực đăng ký thành lập công ty cổ phần nói riêng và đăng ký thành lập doanh nghiệp nói chung, phát huy được sức mạnh tổng thể của cả hệ thống.

### **3.2.2. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về doanh nghiệp**

\* Nâng cao nhận thức của các chủ thể thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh cũng như nâng cao ý thức của cộng đồng về thực hiện quy định trong thành lập và hoạt động công ty cổ phần

Việc áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật của chủ thể cũng như ý thức pháp luật của cộng đồng trong vấn đề thành lập và hoạt động công ty cổ phần. Có thể thấy, tuyên truyền pháp luật là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để nâng cao hiểu biết và ý thức pháp luật cho các chủ thể. Hoạt động tuyên truyền có thể thực hiện qua nhiều cách thức khác nhau như tổ chức giảng dạy khi học tập ở các trường, phổ biến, tuyên truyền pháp luật...; thông qua việc tổ chức hội nghị phổ biến, cập nhật nội dung các văn bản pháp luật mới, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật với nội dung liên quan đến thành lập và hoạt động công ty cổ phần., xử lý các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện thành lập và hoạt động công ty cổ phần... Đối với các chủ thể thực hiện pháp luật cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của lực lượng này cần tuyên truyền để các chủ thể nhận thức được lợi ích, vai trò quan trọng khi thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần. Từ đó, đảm bảo việc Nhà nước bảo vệ quyền lợi cho các công ty cổ phần trong quá trình tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trên tại các địa phương những năm trở lại đây.

\* Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc xử lý vi phạm pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần

Đối với quá trình kiểm tra, giám sát việc xử lý vi phạm pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần cần có cơ sở pháp lý để đánh giá trình độ của cơ quan, cán bộ, công chức, lực lượng có thẩm quyền. Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng này. Đồng thời nghiêm khắc xử lý những trường hợp các đối tượng thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật thành lập và hoạt động công ty cổ phần lợi dụng quyền hạn của mình để làm lợi bất hợp pháp. Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về ĐKKD theo quy

định của Luật doanh nghiệp 2020. Ngoài ra, tăng cường rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện chính sách pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần theo hướng ổn định; kế thừa những quy định đã đi vào cuộc sống; nghiên cứu, lược bỏ những quy định không phù hợp, xa rời thực tế, hạn chế quy định mang tính thủ tục hành chính không cần thiết, giảm phiền hà cho công ty cổ phần nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả.

\* Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thành lập và hoạt động công ty cổ phần ở cả nước nói chung

Trong quá thực hiện các quy định pháp luật về thành lập và hoạt động công ty cổ phần cần nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp bằng những việc cụ thể sau: Sớm có văn bản quy định cụ thể về: Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký công ty cổ phần, văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo phục vụ công tác đăng ký kinh doanh, đăng ký công ty cổ phần và việc đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử. Công bố nội dung đăng ký kinh doanh; cung cấp thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh cho các cơ quan có liên quan của Chính phủ, cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh; hướng dẫn việc xây dựng kinh phí phục vụ vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh tại địa phương; Tổ chức kết nối giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh và Hệ thống thông tin đăng ký thuế. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và công khai thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, nhanh chóng, linh hoạt, thân thiện. Tập trung vào việc nâng cao chất lượng công tác cán bộ; tăng cường hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ đăng ký kinh doanh; tiến hành rà soát lại những nhiệm vụ được giao để thực hiện đúng, đủ kế hoạch, nhiệm vụ đã đề ra; đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng hiệu quả của những công việc đang thực hiện; xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá hoạt động thành lập công ty cổ phần; chú trọng tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật;

làm rõ trách nhiệm của người thành lập doanh nghiệp trong đăng ký kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp.

### **3.2.3. Đối với nội bộ doanh nghiệp**

Nâng cao trình độ quản lý:

- Có sự phân công nhiệm vụ cụ thể giữa các thành viên HĐQT, theo đó mỗi thành viên HĐQT sẽ phụ trách một lĩnh vực và chịu toàn bộ trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT đối với lĩnh vực mà mình phân công, được giao quyền quyết định đối với lĩnh vực mà mình phụ trách trong một số trường hợp.

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc sẽ thống nhất xây dựng cơ chế chung để phân quyền cho Tổng Giám đốc trong việc điều hành mọi hoạt động thường ngày của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Giám đốc sẽ được phân cấp mạnh hơn để có thể tự quyết định những vấn đề thuộc khả năng giải quyết của mình, không bị động và phụ thuộc vào việc xin ý kiến HĐQT.

– Tăng cường công tác trao đổi thông tin giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

- Hoàn thiện chức năng của bộ phận chuyên viên giúp việc HĐQT .

- Cần nâng cao năng lực và vai trò của thành viên HĐQT, cụ thể như đảm bảo các thành viên HĐQT hiểu rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của mình; hàng năm xem xét lại sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của công ty, các chính sách liên quan tới quản trị công ty. Doanh nghiệp nên xây dựng, ban hành các bộ quy tắc ứng xử, bộ quy tắc hướng dẫn công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp; tăng cường tính độc lập của các thành viên; thành lập các Ủy ban chuyên môn để hỗ trợ hoạt động của HĐQT.

Chất lượng nhân sự:

Cần có chế độ đãi ngộ, tạo động lực phù hợp cho HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát nhằm tăng động lực, cống hiến và sức sáng tạo của họ. Cơ chế lương thưởng nên được xây dựng theo một cách gắn kết quyền lợi giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành với quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp công ty thua lỗ, không chi trả cổ tức thì HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành có thể không nhận

hoặc nhận một mức chế độ thấp hơn để chia sẻ với các cổ đông trong giai đoạn khó khăn, tạo sự công bằng hơn giữa cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành...

Tiếp cận công nghệ thông tin:

Ngoài việc thường xuyên cập nhật phần mềm quản lý cổ đông, hiện đại hóa chuyên mục “Quan hệ cổ đông” trên website doanh nghiệp cần chủ động ứng dụng hiệu quả các thành tựu công nghệ thông tin vào quản trị công ty. Theo đó, doanh nghiệp cần đặt ra mục tiêu phấn đấu và lộ trình thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quan hệ với cổ đông, bao gồm các nội dung:

- Xây dựng hệ thống thông tin nội mạng trực tuyến để cán bộ quản lý cổ đông có thể trực tiếp trả lời mọi thắc mắc của cổ đông.
- Nhanh chóng tự động hoá mọi quy trình, thủ tục quan hệ cổ đông với các giải pháp tiên tiến hiện đại.
- Tích cực ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin tiên tiến để quản lý cổ đông

Cập nhật nhanh nhất các văn bản quy phạm của nhà nước:

- Doanh nghiệp cần đa dạng hóa các kênh công bố thông tin về doanh nghiệp và đảm bảo thông tin đầy đủ, chi tiết, xuất bản cả bản tiếng Việt và tiếng Anh để mọi nhà đầu tư quan tâm có thể dễ dàng truy cập mà không gặp phải trở ngại nào.
- Nâng cao ý thức của đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty về tầm quan trọng của việc công bố thông tin và tạo sự bình đẳng về tiếp nhận thông tin cho cổ đông
- Chủ động công bố các loại thông tin theo qui định sớm hơn so với thời hạn qui định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài chính (nếu có thể) và chủ động đưa tin lên trang web của doanh nghiệp trước khi gửi tin cho Sở giao dịch chứng khoán và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước nhằm tạo điều kiện cho cổ đông của doanh nghiệp được đón nhận thông tin sớm hơn thời điểm công chúng nhận được thông tin công bố từ các Sở giao dịch chứng khoán.

- Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin trong báo cáo thường niên, báo cáo tài chính.
- Cung cấp kịp thời, nhanh chóng mọi thông tin về cơ cấu sở hữu của Tổng Công ty và những quyền của mỗi cổ đông so với quyền của những người sở hữu (cổ đông) khác.
- Hoàn thiện việc chuyển đổi các báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế để đảm bảo cung cấp cho cổ đông các báo cáo trung thực, chính xác.
- Thực hiện nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về yêu cầu công bố thông tin

## KẾT LUẬN

Tổ chức quản lý công ty cổ phần là một trong những lĩnh vực quan trọng trong hệ thống pháp luật nước ta. Đồng thời có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật, đáp ứng với chương trình cải cách tư pháp trong tình hình mới. Tuy nhiên, trong thực tế, khi triển khai, do nhiều nguyên nhân khác nhau, các quy định trên chưa thực sự được áp dụng phổ biến, nhiều vi phạm về vấn đề này đã có những tác động không nhỏ đến các chủ thể là công ty cổ phần thực hiện hoạt động sản xuất – kinh doanh trong thực tế.

Việc áp dụng các quy định về tổ chức quản lý công ty cổ phần đã đạt được nhiều kết quả tốt, cần tiếp tục phát huy. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm, vẫn còn những khó khăn và hạn chế xuất phát từ các cơ quan có thẩm quyền thi hành pháp luật, các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành và trong nội bộ của chính bản thân doanh nghiệp.

Chính vì vậy, bằng những giải pháp tích cực sẽ tạo nên một hành lang pháp lý vững chắc, thông suốt, phát huy tính tích cực, khắc phục những hạn chế của các quy định về quản trị công ty cổ phần ở nước ta, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực hiện pháp luật quản trị công ty cổ phần nói riêng và pháp luật doanh nghiệp nói



chung, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta đáp ứng với yêu cầu của công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

5. Quốc Hội (2020), Luật Doanh nghiệp 2020
6. Quốc Hội (2014), Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, Hà Nội.
7. Quốc Hội (2005), *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005*, Hà Nội.
8. Quốc Hội (1999), *Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999*, Hà Nội.
9. Quốc Hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
10. Quốc Hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2015), Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều Luật Doanh nghiệp, Hà Nội.
12. Nghị định 78/2015/NĐ-CP Về đăng kí doanh nghiệp
13. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Hà Nội.
14. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.
15. Nghị định 50/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2016 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư
16. Phạm Duy Nghĩa (2004), *Chuyên khảo Luật kinh tế*, tr. 250-270, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Viện nghiên cứu phát triển doanh nghiệp (2012), *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2011*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
19. Viện nghiên cứu phát triển doanh nghiệp (2013), *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2012*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.

20. Viện Ngôn Ngữ (2007), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
21. Giáo trình Luật thương mại của Trường Đại học Luật Hà Nội - Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2006;
22. Giáo trình Luật kinh tế của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001;
23. Chuyên khảo Một số quy định mới về công ty cổ phần nhỏ, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003. Hay
24. Phân tích pháp luật về công ty cổ phần để tìm ra các bất cập của TS. Ngô Huy Cương - Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 25 (2009)...
25. “*Pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty cổ phần ở Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện*” - Luận văn Thạc sĩ Luật học của tác giả Trần Tố Uyên (Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2005)
26. TS. Bùi Ngọc Cường (2004), *Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. TS. Nguyễn Văn Hậu, TS. Nguyễn Thị Như Hà (2009), *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.